

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành phương án tạm thời chấm điểm hàng tháng sở, ban, ngành, UBND xã, phường, người đứng đầu sở, ban, ngành, UBND xã, phường về thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Kế hoạch số 48-KH/TU ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Ban Thường vụ Thành ủy về triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW và Quyết định số 204-QĐ/TW trên địa bàn thành phố năm 2026;

Căn cứ Kế hoạch số 40/KH-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2026 của UBND thành phố Đà Nẵng về triển khai thực hiện Kế hoạch số 48-KH/TU ngày 16/01/2026 của Ban Thường vụ Thành ủy về triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW và Quyết định số 204-QĐ/TW trên địa bàn thành phố năm 2026.

Căn cứ Quyết định số 4585/QĐ-BKH-CN ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về ban hành phương án tạm thời chấm điểm hàng tháng các bộ, ngành, địa phương, người đứng đầu bộ, ngành, địa phương về thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 935/TTr-SKH-CN ngày 23 tháng 3 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Phương án tạm thời chấm điểm hàng tháng sở, ban, ngành, UBND xã, phường người đứng đầu sở, ban, ngành, UBND xã, phường về thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Sở Khoa học và Công nghệ

a) Tổ chức thực hiện tổng hợp số liệu, chấm điểm hàng tháng sở, ban, ngành, UBND xã, phường, người đứng đầu sở, ban, ngành, UBND xã, phường về thực hiện nhiệm vụ KH-CN, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND thành phố; thực hiện công bố, công khai kết quả chấm điểm trên Hệ thống Giám sát, điều hành thông minh thành phố (gọi tắt là Hệ thống IOC thành phố, <https://ioc.danang.gov.vn>) trước 17 giờ 00 ngày 02 hàng tháng.

b) Thực hiện kết nối hoặc tham mưu Chủ tịch UBND thành phố thực hiện kết nối dữ liệu tự động về các chỉ số với Hệ thống IOC thành phố.

c) Quyết định việc thay đổi hình thức kết nối thu thập dữ liệu về các chỉ số (từ thủ công sang tự động và ngược lại) để phù hợp với tình hình thực tiễn trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị chủ trì cung cấp số liệu.

d) Theo dõi, tham mưu Chủ tịch UBND thành phố kịp thời điều chỉnh, cập nhật phương án chấm điểm để phù hợp với tình hình thực tế và theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

2. Đề nghị Công an thành phố

Cung cấp thông tin số liệu kết quả dữ liệu được tạo lập của các cơ quan, địa phương (điểm chỉ số C1 thuộc Bộ chỉ số C Phụ lục kèm theo Quyết định) trước 17 giờ 00 ngày 01 hàng tháng trên Hệ thống IOC thành phố.

3. Đề nghị Kho bạc nhà nước Khu vực XIII

Cung cấp thông tin số liệu tỉ lệ giải ngân vốn đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số của các cơ quan, địa phương (điểm Bộ chỉ số D Phụ lục kèm theo Quyết định) trước 17 giờ 00 ngày 01 hàng tháng trên Hệ thống IOC thành phố.

4. Giao các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố, UBND xã, phường (thuộc đối tượng chấm điểm)

Định kỳ trước 17 giờ 00 ngày 01 hàng tháng, thực hiện báo cáo, cung cấp số liệu và các tài liệu kiểm chứng trên Hệ thống IOC thành phố (đối với các dữ liệu, số liệu cung cấp thủ công).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND thành phố Đà Nẵng, Giám đốc các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các xã, phường, Giám đốc Kho bạc Khu vực XIII, Giám đốc Công an thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Thành ủy (báo cáo);
- Ban Chỉ đạo 57 thành phố (báo cáo);
- Thường trực HĐND thành phố (báo cáo);
- Thường trực Đảng ủy UBND TP (báo cáo);
- CT, các PCT UBND TP;
- BCĐ KH CN, ĐMST, CDS và Đề án 06;
- Trung tâm IOC thành phố;
- Lưu: VT, KHCN.

10/1



KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Quang Bửu

Phụ lục
PHƯƠNG ÁN TẠM THỜI CHẤM ĐIỂM HÀNG THÁNG
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU SỞ, BAN, NGÀNH, UBND XÃ, PHƯỜNG VỀ THỰC
HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ
CHUYỂN ĐỔI SỐ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1148/QĐ-UBND ngày 31 / 3 /2026 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

1. Mục tiêu và phạm vi chấm điểm

a) Mục tiêu

- Thể hiện được mức độ hoàn thành nhiệm vụ cũng như hiệu quả triển khai của sở, ban, ngành, UBND xã, phường trong thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ (KH-CN), đổi mới sáng tạo (ĐMST) và chuyển đổi số (CDS) gắn kết rõ trách nhiệm người đứng đầu với nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức.

- Tạo phong trào thi đua giữa các sở, ban, ngành, UBND các phường, xã khi thực hiện nhiệm vụ.

- Làm cơ sở để đánh giá cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; đề xuất Chủ tịch UBND thành phố và cơ quan cấp trên khen thưởng đối với tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc.

- Cung cấp kênh thông tin để Ban Chỉ đạo của UBND thành phố về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, Cải cách hành chính và Đề án 06 nắm bắt tình hình thực hiện tổng thể các nhiệm vụ của các sở, ban, ngành, UBND xã, phường.

b) Phạm vi:

- 15 cơ quan thuộc UBND thành phố (Văn phòng UBND thành phố, Sở Ngoại vụ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Xây dựng, Sở Dân tộc và Tôn giáo, Sở Tư pháp, Sở Công Thương, Sở Nội vụ, Sở Y tế, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các Khu công nghiệp, Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai).

- 93 UBND xã, phường (không bao gồm Đặc khu Hoàng sa).

2. Nguyên tắc chấm điểm

a) Đảm bảo yếu tố thực chất trong việc triển khai nhiệm vụ.

- Bảo đảm công bằng giữa các cơ quan, địa phương.

- Xem xét nhiều mặt bao gồm cả hoàn thành nhiệm vụ được giao, kết quả triển khai, tác động thực tế, chủ động thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

- Trước mắt tập trung vào các chỉ số có thể dễ dàng định lượng được, thay đổi theo tháng, ưu tiên các chỉ số có dữ liệu được trích xuất tự động từ các hệ thống thông tin. Từng bước mở rộng các chỉ số theo thời gian khi điều kiện sẵn sàng, bảo đảm tính khả thi.

- Trường hợp không phát sinh nhiệm vụ thì điểm số của tiêu chí tương ứng sẽ được tính điểm quy đổi.

3. Khung chỉ số phục vụ chấm điểm

Điểm tổng thể được xác định trên thang điểm **100** trong đó **95** điểm được tính qua các chỉ số; **5** điểm sử dụng để thường khuyến khích cho cơ quan, đơn vị, địa phương có những sáng kiến, hoạt động đột phá trong tháng.

A: Bộ chỉ số đánh giá việc thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ được UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố giao.

Số điểm tối đa của bộ chỉ số đạt được **20** điểm. Trong đó **15** điểm được tính cho việc hoàn thành nhiệm vụ được giao và **5** điểm để điều chỉnh sự chênh lệch số nhiệm vụ giữa các cơ quan bảo đảm sự công bằng giữa cơ quan nhiều nhiệm vụ và cơ quan ít nhiệm vụ.

Điểm chung Bộ chỉ số được tính như sau: $A = A1 + A2 + A3$

Các chỉ số thành phần:

+ A1: Điểm hoàn thành nhiệm vụ đúng hạn:

Cách tính: điểm số đạt được = (số nhiệm vụ hoàn thành đúng hạn)/(tổng số nhiệm vụ phải thực hiện trong kỳ) * 15 (điểm);

Ý nghĩa: đạt được tối đa 15 điểm nếu hoàn thành 100% đúng hạn các nhiệm vụ được giao trong tháng và không có nhiệm vụ tồn các tháng trước.

Nguồn cung cấp:

- Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường báo cáo trên Hệ thống IOC.
- Sở KH&CN đánh giá, trích xuất, tổng hợp số liệu.

+ A2: Điểm hoàn thành nhiệm vụ quá hạn:

Cách tính: điểm số đạt được = (số nhiệm vụ hoàn thành quá hạn trong tháng)/(tổng số nhiệm vụ phải thực hiện trong kỳ) * 50% * 15 (điểm).

Ý nghĩa: chỉ được 50% số điểm thành phần nếu hoàn thành nhiệm vụ nhưng quá hạn của tháng trước đó còn tồn trong tháng này (nếu tồn đọng quá 01 tháng thì không có điểm).

Nguồn cung cấp:

- Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường báo cáo trên Hệ thống IOC.

- Sở KH&CN đánh giá, trích xuất, tổng hợp số liệu.

+ **A3: Điểm đánh giá số lượng nhiệm vụ được giao**

Cách tính: số điểm đạt được = (số nhiệm vụ) / (số nhiệm vụ của cơ quan có nhiều nhiệm vụ nhất) * 5 (điểm).

Ý nghĩa: số điểm điều chỉnh để đảm sự công bằng giữa các cơ quan có nhiều và có ít nhiệm vụ. Cơ quan nhiều nhiệm vụ nhất được thêm 5 điểm.

Nguồn cung cấp:

- Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường báo cáo trên Hệ thống IOC.

- Sở KH&CN đánh giá, trích xuất, tổng hợp số liệu.

Tổng số nhiệm vụ phải thực hiện trong kỳ = tổng số nhiệm vụ phải hoàn thành đúng hạn trong tháng đó + số nhiệm vụ còn tồn chưa hoàn thành đúng hạn trong tháng trước liền kề.

B: Bộ chỉ số giải quyết thủ tục hành chính phục vụ người dân, doanh nghiệp

Số điểm tối đa của bộ chỉ số đạt được **20** điểm. Trong đó được tính trên cơ sở các tiêu chí:

B1. Công khai, minh bạch;

B2. Tiến độ giải quyết;

B3. Dịch vụ trực tuyến;

B4. Mức độ hài lòng;

B5. Số hoá hồ sơ.

Các chỉ số này được xác định theo Quyết định 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử.

Tổng điểm của các chỉ số B1, B2, B3, B4, B5 tối đa 100 có giá trị tương ứng với điểm tối đa 20 điểm.

Số điểm đạt được $B = (\text{tổng điểm theo Quyết định 766/QĐ-TTg}) / 100 * 20$ (điểm).

Nguồn cung cấp: Cổng dịch vụ công quốc gia.

C. Bộ chỉ số về số tạo lập, chia sẻ dữ liệu

Bộ chỉ số này thể hiện mức độ triển khai tạo lập dữ liệu và chia sẻ, khai thác dữ liệu trong đó tập trung vào các cơ sở dữ liệu quy định tại Nghị quyết 214/NQ-

CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện trong hệ thống chính trị.

Điểm tối đa của bộ này là **20** điểm bao gồm hai chỉ số:

Điểm của Bộ chỉ số: $C = C1 + C2$

- C1. Kết quả dữ liệu được tạo lập

Cách tính: điểm đạt được = (số bản ghi dữ liệu đã được số hoá trong tháng) / (số bản ghi của cơ quan số hoá được nhiều nhất) * 10 (điểm).

Ý nghĩa: Đo lường mức độ tích cực của việc tạo lập dữ liệu của các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường trong tháng và tích hợp về Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia hoặc báo cáo của các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường. Cơ quan số hoá được nhiều nhất đạt tối đa 10 điểm.

Nguồn cung cấp: Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia và các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, Công an thành phố tổng hợp.

- C2. Giao dịch chia sẻ dữ liệu qua nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu quốc gia.

Cách tính: điểm đạt được = (số giao dịch của cơ quan) / (số giao dịch của cơ quan thực hiện nhiều nhất) * 10 (điểm).

Ý nghĩa: Đo lường mức độ tích cực của việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, địa phương trong tháng. Cơ quan có số giao dịch nhiều nhất đạt điểm tối đa là 10 điểm.

Nguồn cung cấp: Cung cấp tự động từ Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu thành phố (Trục LGSP thành phố) do Sở KH&CN vận hành.

D. Bộ chỉ số đo lường kết quả triển khai nhiệm vụ, dự án về khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Bộ chỉ số này được đánh giá trên cơ sở số liệu tỉ lệ giải ngân kinh phí các nhiệm vụ, dự án đầu tư trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Điểm của Bộ chỉ số: $D =$ Tỉ lệ giải ngân vốn đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

Cách tính: điểm đạt được = (tỉ lệ phần trăm vốn được giải ngân tới thời điểm hiện tại tính từ đầu năm) * 25 (điểm).

Ý nghĩa: Đo lường mức độ hoàn thành các nhiệm vụ giải ngân qua việc triển khai các dự án.

Nguồn cung cấp: Kho bạc nhà nước Khu vực XIII.

E. Bộ chỉ số hiệu quả chỉ đạo của người đứng đầu

Bộ chỉ số này đánh giá sự vào cuộc và chỉ đạo của người đứng đầu các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường để thực thi các nhiệm vụ.

Điểm tối đa **10** điểm.

Điểm của Bộ chỉ số: $E = E1 + E2$

E1. Tham gia trực tiếp các buổi họp của Lãnh đạo UBND thành phố, Ban Chỉ đạo của UBND thành phố về phát triển KHCN, ĐMST, CDS, CCHC và Đề án 06 chủ trì theo đúng đối tượng triệu tập tham dự.

Cách tính: (số buổi tham gia của đúng đối tượng triệu tập tham dự) / (tổng số buổi tổ chức) * 5 (điểm).

Nguồn cung cấp: Sở KH&CN

E2. Đánh giá sự tích cực của người đứng đầu trong các cuộc họp, hội nghị do Lãnh đạo UBND thành phố, Ban Chỉ đạo của UBND thành phố về phát triển KHCN, ĐMST, CDS, CCHC và Đề án 06 chủ trì

Cách tính: Có báo cáo tham luận, báo cáo chuyên đề được 5 điểm.

Nguồn cung cấp: Sở KH&CN

4. Cơ chế tính điểm và xếp loại

Điểm đánh giá, xếp loại được tính bằng tổng điểm đạt được của các bộ chỉ số:

Tổng điểm (làm tròn đến 1 điểm) = A + B + C + D + E + Điểm khuyến khích.

Phân loại theo tổng điểm đạt được:

- Loại A (xuất sắc): Từ 85 - 100 điểm.
- Loại B (tốt): Từ 70 - dưới 85 điểm.
- Loại C (khá): Từ 50 - dưới 70 điểm.
- Loại D: Dưới 50 điểm, cần tích cực để đạt được kết quả cao hơn trong tháng tiếp theo.

Cơ chế tính điểm và công bố điểm:

- Đối với số liệu được xác định theo báo cáo, **trước 17 giờ 00 ngày 01 hàng tháng**, các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường có trách nhiệm tổng hợp, gửi số liệu về cơ quan chủ trì để tổng hợp.

- Đối với số liệu tự động tổng hợp từ các hệ thống thông tin liên quan, dữ liệu sẽ được chốt vào **17 giờ 00 ngày 02 hàng tháng**.

- Sở KH&CN chủ trì tổng hợp và tính điểm theo phương án trên và công bố

trong các cuộc họp có liên quan; công bố trên Hệ thống IOC thành phố.

- Đối với cơ quan được Loại A, kiến nghị Chủ tịch UBND thành phố xem xét tuyên dương tại cuộc họp và khen thưởng phù hợp.

- Điểm khuyến khích được cộng thêm cho những cơ quan, địa phương có những sáng kiến đột phá trong tháng (5 điểm) tùy theo mức độ sáng kiến đạt được. Cơ quan đạt được những thành tích đột phá có văn bản đề xuất kèm thuyết minh gửi Sở KH&CN để tổng hợp, đánh giá và đề xuất trong cuộc họp để Lãnh đạo UBND thành phố xem xét quyết định.

5. Bảng tóm tắt các chỉ số chi tiết

Lưu ý: Số liệu thực hiện, phát sinh trong tháng.

STT	Tên bộ tiêu chí/tiêu chí	Ý nghĩa	Công thức tính điểm	Điểm tối đa	Nguồn dữ liệu	Cơ quan chủ trì
A	Thực hiện nhiệm vụ được giao	Đánh giá sự hoàn thành các nhiệm vụ được giao	$A = A1 + A2 + A3$	20	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường báo cáo trên Hệ thống IOC	Sở KH&CN
A1	Điểm hoàn thành nhiệm vụ đúng hạn		(số nhiệm vụ hoàn thành đúng hạn)/(tổng số nhiệm vụ phải thực hiện trong tháng) * (15 điểm).			
A2	Điểm hoàn thành nhiệm vụ quá hạn		(số nhiệm vụ hoàn thành quá hạn)/(tổng số nhiệm vụ phải thực hiện trong kỳ) * 50% * 15 (điểm).			
A3	Điểm đánh giá mức độ nhiệm vụ được giao		(số nhiệm vụ cần thực hiện) / (số nhiệm vụ cần thực hiện của cơ quan có nhiều nhiệm vụ nhất) * 5 (điểm)			
B	Giải quyết các thủ tục hành chính phục vụ người dân, doanh nghiệp	Đánh giá việc sử dụng công nghệ số để phục vụ người dân, doanh nghiệp	$B = (B1+B2+B3+B4+B5) / 100 * 20$	20	Công dịch vụ công quốc gia (kết nối tự động)	Văn phòng UBND thành phố
B1	Công khai, minh bạch		Quyết định 766/QĐ-TTg			
B2	Tiến độ giải quyết		Quyết định 766/QĐ-TTg			

B3	Dịch vụ trực tuyến		Quyết định 766/QĐ-TTg			
B4	Mức độ hài lòng		Quyết định 766/QĐ-TTg			
B5	Số hoá hồ sơ		Quyết định 766/QĐ-TTg			
C	Tạo lập dữ liệu và trao đổi dữ liệu	Đánh giá việc xây dựng dữ liệu, trao đổi dữ liệu làm nền tảng chuyển đổi số	$C = C1 + C2$	20		
C1	Tạo lập dữ liệu	Điểm về số bản ghi được thu thập, tạo lập trong tháng tính điểm	(số bản ghi dữ liệu đã được số hoá trong tháng)/ (số bản ghi của cơ quan số hoá được nhiều nhất) * 10 (điểm)		Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia; Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường báo cáo	Công an thành phố
C2	Giao dịch chia sẻ dữ liệu	Điểm đánh giá số giao dịch chia sẻ dữ liệu trên nền tảng LGSP thành phố	(số giao dịch của cơ quan)/ (số giao dịch của cơ quan thực hiện nhiều nhất) * 10 (điểm).		Nền tảng LGSP Sở Khoa học và Công nghệ	
D	Đo lường kết quả triển khai nhiệm vụ, dự án về KHCN, ĐMST, CDS	Đánh giá việc thực hiện các dự án, nhiệm vụ KHCN, ĐMST và CDS	D	25		
	Tỷ lệ giải ngân kinh phí KHCN, ĐMST và CDS đã phân bổ		(tỷ lệ phần trăm vốn được giải ngân tới thời điểm hiện tại tính từ đầu năm) * 25 (điểm).		Hệ thống thông tin (Bộ tài chính)	Kho bạc nhà nước Khu vực XIII
E	Hiệu quả chỉ đạo của người đứng đầu	Đánh giá sự vào cuộc của người đứng đầu	$E = E1 + E2$	10		
E1	Tham gia các buổi họp, hội nghị		(số buổi tham gia của đúng đối tượng triệu tập tham dự) / (tổng số buổi tổ chức) * 5 (điểm)		Sở KH&CN	
E2	Đánh giá sự tích cực của		Có báo cáo tham luận, báo cáo chuyên đề		Sở KH&CN	

	người đứng đầu trong các cuộc họp, hội nghị		được 5 điểm			
--	---	--	-------------	--	--	--

Tổng điểm của tháng = A + B + C + D + E + Điểm khuyến khích

toannv2-02/04/2026 08:07:40-toannv2-toannv2-toannv2